

Giải thuộc địa hoá nhân tính ở Việt Nam đầu thế kỷ XX: nhìn từ trường hợp Phan Khôi

The Decolonization of Humanity in Early 20th-Century Vietnam:
A Perspective from Phan Khoi

Luu Đức Duy^{a*}, Hoàng Thị Hương^a
Luu Duc Duy^{a*}, Hoang Thi Huong^a

^aTrường Ngôn Ngữ – Xã hội Nhân văn, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

^aSchool of Languages, Humanities, and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 30/5/2026, ngày phản biện xong: 29/6/2026, ngày chấp nhận đăng: 01/7/2026)

Tóm tắt

Bài báo tiến hành giải cấu trúc diễn ngôn về chủ thể nữ giới trong tư tưởng của Phan Khôi giai đoạn đầu thế kỷ XX, thông qua hệ hình văn bản lưỡng diện: tiểu thuyết *Trở về lúa ra* và các tiểu luận trên báo *Phụ Nữ Tân văn*. Bằng việc vận dụng phương pháp phân tích diễn ngôn phê phán soi chiếu qua lăng kính lý thuyết Giải thuộc địa, nghiên cứu minh định nỗ lực của Phan Khôi trong việc tái kiến tạo nhân tính cho người phụ nữ Việt Nam vốn bị xói mòn bởi sự giao thoa giữa hệ giá trị Nho giáo thủ cựu và diễn ngôn thực dân phương Tây. Diễn ngôn của Phan Khôi không đơn thuần là một bản sao của chủ nghĩa nữ quyền phương Tây, mà là một tiến trình bản địa hóa nhằm giải thuộc địa hóa tâm thức chủ thể. Thông qua đó, nghiên cứu chỉ ra việc đòi quyền tự trị cho phụ nữ đã được nâng tầm thành cuộc đấu tranh phục hồi quyền làm người và phẩm giá dân tộc trong bối cảnh lịch sử đầy biến động của Việt Nam thời Pháp thuộc. Kết quả khảo sát góp phần xác lập một góc nhìn mới về tính chất tiên phong và chiều kích nhân văn mang đậm tinh thần giải thuộc địa trong di sản tư tưởng của Phan Khôi, một trong những trí thức có tầm ảnh hưởng quan trọng trong giai đoạn giao thời.

Từ khóa: Phan Khôi, *Trở về lúa ra*, *Phụ Nữ Tân văn*, giải thuộc địa hóa nhân tính, diễn ngôn chủ thể nữ, bản địa hóa tri thức

Abstract

This article deconstructs the discourse on the female subject in Phan Khoi's thought during the early 20th century through a dual textual framework: the novel *Tro vo lua ra* and his essays in the *Phu Nu Tan van* newspaper. Utilizing critical discourse analysis through the lens of decolonial theory, this study aims to elucidate Phan Khoi's efforts to reconstruct the humanity of Vietnamese women, which had been eroded by the intersection of conservative Confucian values and Western colonial discourse. Phan Khoi's discourse is not merely a replica of Western feminism, but rather an indigenizing process aimed at "decolonizing" the subject's consciousness. Through this analysis, the study demonstrates that the demand for female autonomy was elevated into a broader struggle to restore human dignity and national pride within the turbulent historical context of French-colonial Vietnam. The findings contribute to establishing a new perspective on the pioneering nature and humanistic dimensions, deeply imbued with a decolonial spirit, within the intellectual legacy of Phan Khoi - one of the most influential intellectuals of this transitional period.

Keywords: Phan Khoi, *Tro vo lua ra*, *Phu Nu Tan van*, decolonization of humanity, discourse on the female subject, indigenization of knowledge

*Tác giả liên hệ: Luu Đức Duy
Email: luuducduy@duytan.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong làn sóng tiếp nhận văn hoá mới của tầng lớp trí thức Tây học ở xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, Phan Khôi nổi lên như một hiện tượng đại diện cho những con người có khát vọng canh tân, những người mang trong mình sự phản biện mạnh mẽ đối với hệ khuôn mẫu tư tưởng truyền thống. Nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là nơi mà cái cũ và cái mới va đập mạnh mẽ, khi nền tư tưởng Tống Nho phong kiến thoái trào chưa dứt thì đã manh nha xuất hiện sự áp bức của tâm thức thuộc địa; sự xung đột trong các “phong trào duy tân tư tưởng”. Ở đó, ta nhìn thấy được sự đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, đặc biệt là Phan Khôi và Trần Trọng Kim đã mang đến một cuộc tranh luận sôi nổi trên văn đàn dân tộc những thập kỷ đầu của thế kỷ XX. Vậy nên, thay vì chỉ nhìn nhận tư tưởng của Phan Khôi qua lăng kính duy tân hay phong trào nữ quyền phương Tây như trước đây, bài báo đề xuất một cách tiếp cận khác: đặt Phan Khôi vào tiến trình giải thuộc địa hóa nhân tính. Mặc dù di sản tư tưởng của Phan Khôi đã được nghiên cứu ở nhiều khía cạnh, song một khoảng trống học thuật vẫn cần được nhắc đến: sự gặp gỡ giữa các bài nghị luận xã hội trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* và thực tế sáng tác văn học qua tiểu thuyết *Trở về lúa ra*, đặc biệt là quan niệm về phẩm tính của người phụ nữ Việt buổi giao thời. Phần lớn các công trình đi trước thường tiếp cận vấn đề giới ở Phan Khôi dưới góc độ phong trào dân quyền hoặc xã hội học, nhưng lại chưa đi sâu vào vấn đề cốt lõi là làm thế nào để khôi phục tư cách làm người, quyền tự chủ và phẩm giá của người phụ nữ như một phương thức phản kháng lại sự nô dịch về tâm thức. Chính vì vậy, bài nghiên cứu này nhằm bổ sung một góc nhìn về hiện tượng Phan Khôi – một trong những nhà tư tưởng canh tân tiêu biểu của đời sống tinh thần người Việt đầu thế kỷ XX.

Bài viết quan tâm đến một mạch chảy ngoại biên trong hệ tư tưởng của Phan Khôi: sự dung

hoà “tiếng nói phương Tây” và “tâm thức người Việt”. Đó là quá trình tiếp thu các giá trị nhân văn phổ quát của nhân loại, đồng thời “bản địa hóa” chúng để phù hợp với bối cảnh cụ thể của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX và căn tính người Việt. Qua đó, chúng ta có cơ sở để nhận diện phẩm giá và tư cách của người bản địa chịu áp lực kép từ hệ tư tưởng Nho giáo nghiêm khắc lẫn diễn ngôn khai hóa mang tính áp đặt của thực dân. Trong cấu trúc xã hội này, phụ nữ là nhóm đối tượng chịu tổn thương sâu sắc nhất khi bị tước đoạt tiếng nói và vị thế độc lập. Chúng tôi lập luận rằng, những kiến giải về nữ giới của Phan Khôi không phải là sự sao chép máy móc mô hình phương Tây, mà là nỗ lực tự thân nhằm tìm kiếm lối thoát và khẳng định lại giá trị con người. Nghiên cứu hướng đến đóng góp một cách nhìn nhận khách quan về vị thế của Phan Khôi, đồng thời bổ sung một trường hợp thực tiễn vào bức tranh chung về các trào lưu giải thuộc địa tại Đông Nam Á đầu thế kỷ XX.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích diễn ngôn

Phương pháp này giữ vai trò chủ đạo nhằm khảo sát hệ thống tiểu luận báo chí và tiểu thuyết *Trở về lúa ra* của Phan Khôi. Bài viết tập trung vào thao tác bóc tách các mã ngôn ngữ, cấu trúc luận điểm và chiến lược lập luận của Phan Khôi trên cả diễn ngôn báo chí và diễn ngôn văn chương. Từ đó, nghiên cứu làm rõ cách Phan Khôi nhận diện và giải cấu trúc cơ chế quyền lực thực dân lẫn hệ ý thức phụ quyền kìm kẹp người phụ nữ bản xứ.

2.2. Phương pháp so sánh - đối chiếu

Phương pháp này được vận dụng để đặt hình tượng nhân vật Nghi trong *Trở về lúa ra* vào thế đối thoại trực diện với hệ hình nhân vật nữ đương thời. Việc đối chiếu song song này nhằm làm nổi bật tính chất cách tân của một “chủ thể lý tính tự trị” và phản ứng phản kháng mang bản chất giải thuộc địa. Ngoài ra, bài viết còn so sánh

quan điểm của Phan Khôi với Trần Trọng Kim về vấn đề phụ nữ và Nho giáo, để thấy được sự khác nhau trong cách hai học giả nhìn nhận về cách thức “khai phóng” cho phụ nữ Việt buổi giao thời.

2.3. Phương pháp liên ngành: Văn học và Phê bình văn hóa hậu thực dân

Vận dụng kết hợp lý thuyết văn học hiện đại với lý thuyết giải thuộc địa để soi chiếu văn bản. Phương pháp này giúp đặt hành trình số phận dở dang của nhân vật và các diễn ngôn giới của Phan Khôi vào bối cảnh kinh tế - chính trị thuộc địa những năm 1930, từ đó chỉ ra những đứt gãy và giới hạn lịch sử thực tế của vấn đề giải thuộc địa hóa nhân tính và đòi lại phẩm giá cho người phụ nữ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Giải thuộc địa hoá nhân tính và hành trình tái định nghĩa “chủ thể” nữ giới

Chiến lược “giải thuộc địa” trong không gian văn hóa - tư tưởng không chỉ là câu chuyện nhận diện các chuyển dịch của địa - chính trị trên toàn thế giới mà bản chất là một hành trình giải cấu trúc toàn diện hệ thống tri thức, ngôn ngữ, hệ hình thẩm mỹ và các định chế văn hóa vốn được thiết lập để duy trì bá quyền của mẫu quốc đối với thuộc địa. Ở cấp độ nhận thức luận, giải thuộc địa đòi hỏi một cuộc “phi thuộc địa hoá tâm thức” nhằm hoài nghi, chất vấn và lật đổ các hệ tiêu chuẩn, các diễn ngôn đại tự sự về “lý tính phổ quát” mang tính áp đặt của phương Tây, từ đó hoàn trả tư cách chủ thể tự trị cho con người yếm thế. Bản chất của chủ nghĩa thực dân không chỉ dừng lại ở hành vi chiếm đoạt lãnh thổ hay khai thác tài nguyên, mà nó vận hành dựa trên một định đề quan trọng: phi nhân tính hóa chủ thể bị trị. Để hợp thức hóa quyền cai trị, các diễn ngôn bá quyền thuộc địa thường kiến tạo con người thuộc địa như những thực thể khuyết thiếu: thiếu lý tính, thiếu lịch sử; từ đó trở thành những yếu tố dị biệt và nằm ngoài tiến trình tiến hóa của văn minh toàn cầu. Người bản địa bị đẩy

ra vùng ngoại biên, thậm chí tước đoạt các quyền lợi xoay quanh các vấn đề cơ bản như căn tính và phẩm giá, bị dán nhãn là “Kẻ khác” (The Other) hoặc “Kẻ dưới quyền” (Subaltern), chỉ tồn tại như những khách thể thụ động cần được chỉ dẫn và khai hóa bởi mẫu quốc. Do đó, giải thuộc địa hóa nhân tính được xem là cuộc cách mạng nhằm phản kháng với mô hình bạo lực biểu trưng này. Về đặc điểm, tiến trình giải thuộc địa hoá nhân tính chính là vấn đề nhìn nhận và giải cấu trúc các định chế tri thức vốn đã thấm sâu vào vô thức công đồng (người bị trị), giúp họ nhận thức lại phẩm giá bản thể và năng lực tự trị của chính mình. Nhiệm vụ của giải thuộc địa hóa nhân tính không phải là sự hoài cổ, tìm cách phục dựng một trạng thái nguyên sơ không tưởng trước khi bị xâm lược, mà là một sự phản kháng với áp bức kép giữa cái cũ và cái mới, trong đó loại bỏ những yếu tố thù cựu và đập tan các huyền thoại văn minh mang tính áp đặt, giải phóng con người khỏi trạng thái bị vật hóa. Thông qua đó, giải thuộc địa hướng đến việc công nhận tư cách độc lập của “con người thuộc địa”, không còn khái niệm “chủ thể bị trị”, không còn là “tệp đính kèm” hay công cụ tiêu dùng của guồng máy thuộc địa, mà là một thực thể độc lập, có tư cách pháp lý và tự quyết định vận mệnh lịch sử của chính mình.

Nhìn lại Việt Nam buổi giao thời - một xã hội thuộc địa có nền tảng phong kiến đã ăn sâu vào tâm thức con người, tồn tại một đặc điểm quan trọng về chính trị - xã hội chính là vấn đề thực dân - nửa phong kiến. Ở phương diện chính trị - xã hội, Việt Nam đón nhận làn sóng “khai hoá” từ thực dân Pháp. Ở phương diện tư tưởng, Việt Nam tiếp tục bị kim hãm bởi lễ giáo Nho học thoái trào, đặc biệt là hệ tư tưởng Tống Nho thủ cựu. Chính vì thế, giải thuộc địa hoá ở Việt Nam mang tính lưỡng diện và phức tạp bởi cấu trúc áp bức không vận hành đơn lẻ. Diễn ngôn thực dân phương Tây trong quá trình xác lập quyền lực thường nương tựa, dung hợp và ngầm thỏa hiệp với các định chế phụ quyền có sẵn của bản

địa để thiết lập một liên minh diễn ngôn tinh vi, đẩy các nhóm xã hội yếu thế, đặc biệt là nữ giới, vào vị thế “thuộc địa kép”, nghĩa là vừa bị tước đoạt tư cách pháp lý bởi chính quyền thực dân, vừa bị giam cầm về mặt tư duy bởi hệ tư tưởng nam quyền bản địa. Do đó, một chiến lược giải thuộc địa hóa nhân tính thực sự tại thời điểm này không thể là một tiếng nói phản kháng một chiều, mà bắt buộc phải là một cuộc đấu tranh tư tưởng mang tính lưỡng cực đồng thời: một mặt đập tan cấu trúc giáo điều, hủ lậu của căn tính bản địa cũ, mặt khác bóc trần huyền thoại “khai hóa văn minh” của mẫu quốc mới. Và một trong những trí thức tiên phong cho việc giải thuộc địa hóa nhân tính ở Việt Nam lúc bấy giờ, không ai khác là Phan Khôi. Nhận thức sâu sắc bản chất của mạng lưới quyền lực bủa vây mang tính hệ thống này, Phan Khôi khi khởi xướng và dẫn dắt các cuộc tranh luận trên diễn đàn báo chí đương thời đã khước từ đường hướng cải lương, thỏa hiệp của các phong trào dân quyền nửa vời. Ông nhận ra rằng những phong trào này thực chất chỉ nhắm đến những đòi hỏi mang tính bề mặt, cổ xúy cho các hiện tượng lối sống đô thị mang tính phô diễn như cải cách trang phục, thay đổi kiểu tóc hay đòi quyền tự do giải trí đô thị đơn thuần mà hoàn toàn bất lực trước căn nguyên của sự nô dịch. Để đi đến tận cùng của vấn đề con người bị tước đoạt phẩm giá, Phan Khôi thực hiện một chiến lược diễn ngôn nhằm “giải thuộc địa hóa tâm thức”, giải phóng tư duy của người bản địa khỏi các áp đặt của ý thức hệ thống trị.

Trước nhất, ông hướng ngòi bút đến hệ thống luân lý đạo đức Nho giáo vốn đã bước vào giai đoạn thoái trào, mục ruỗng nhưng vẫn được duy trì như một công cụ đắc lực để bảo toàn trật tự của thiết chế nam quyền gia tộc. Ông phủ định một cách triệt để các phạm trù đạo đức phong kiến cốt lõi như “tam tòng”, “tứ đức”, và đặc biệt là giải huyền thoại về “trinh tiết”. Phan Khôi cho rằng những luân lý đó không phải là những quy chuẩn đạo đức mang tính tự nhiên hay phổ quát, mà thực chất là những kiến tạo văn hóa mang

tính áp đặt đơn phương của giới cầm quyền phụ quyền nhằm tước đoạt phẩm giá cá nhân của người phụ nữ. Dưới góc nhìn của Phan Khôi, quan niệm “tam tòng” đã biến người phụ nữ thành một dạng khách thể phụ thuộc tuyệt đối, một tệp đính kèm vô hình trong phả hệ nam quyền, khi thì là “con của cha”, khi thì là “vợ của chồng”, lúc về già là “mẹ của con trai”. Người phụ nữ chưa bao giờ tồn tại độc lập như một chủ thể có phẩm giá cá nhân tương đương với nam giới. Chính sự độc đoán của nền tảng Nho học lỗi thời này đã cản trở người phụ nữ nhận diện đúng giá trị tự thân, khiến họ trở nên hoàn toàn yếm thế, suy nhược về tinh thần, và hệ quả là không đủ năng lực để đề kháng trước các luồng tư tưởng áp bức mới đang tràn vào từ làn sóng thuộc địa.

Trong chiều kích phản biện thứ hai, khi đối thoại trực tiếp với bá quyền mẫu quốc, Phan Khôi thể hiện một tâm thế kháng cự trước làn sóng đồng thuận đối với trào lưu “Âu hóa” đang diễn ra ở ạt tại các đô thị thuộc địa, mà trong đó Sài Gòn đương thời được xem như một mô hình thu nhỏ kiểu mẫu. Giữa bối cảnh chính quyền bảo hộ ra sức vận hành diễn ngôn “khai hóa văn minh” như một chiến lược chính trị nhằm kiến tạo một tầng lớp thị dân phụ thuộc và vong bản, những biểu hiện lối sống bề nổi như phong trào cắt tóc ngắn, mặc áo tân thời Le Mur, hay sự xuất hiện của các câu lạc bộ khiêu vũ thường bị xã hội đương thời ngộ nhận là cột mốc của tự do, là đỉnh cao của giải phóng nữ quyền. Ngược lại, Phan Khôi đưa ra lời cảnh báo về một nguy cơ “vật hóa” kiểu mới, tinh vi và đầy tính toán của chủ nghĩa tư bản thực dân. Ông lập luận rằng nếu công cuộc giải phóng phụ nữ bị khu trú, thu hẹp hoặc đánh đồng với sự thay đổi hình thái, diện mạo bên ngoài, hay với sự tự do hưởng thụ các tiện nghi đô thị thuộc địa, thì đó thực chất chỉ là một sự dịch chuyển vị thế nô lệ: từ việc làm nô lệ cho hệ thống gia đình phong kiến sang làm nô lệ cho guồng máy tiêu dùng, phục vụ cho lợi ích kinh tế của mẫu quốc. Trong một loạt bài báo

như “Cái lối 'văn minh' bắt chước ấy không nên theo” đăng trên *Phụ Nữ Tân văn*, số 21 năm 1929 hay “Nữ quyền và giải phóng phụ nữ” đăng các năm 1930 – 1931, ông cho rằng việc bắt chước nhẩy đầm, mặc đồ tân thời, dùng hàng ngoại hóa một cách vô tội vạ mà thiếu đi nền tảng tri thức và thực chất độc lập về kinh tế chỉ biến người phụ nữ thành trò cười và làm hao tổn kinh tế gia đình, chứ không hề có một chút giá trị giải phóng nào, đặc biệt việc phụ nữ phụ thuộc vào thời trang Pháp, mỹ phẩm ngoại thực chất là sự dịch chuyển từ việc phục vụ tư tưởng nam quyền cổ hủ sang phục vụ cho các nhà tư bản thuộc địa.

Diễn ngôn về nữ quyền của Phan Khôi vì thế đã vượt thoát khỏi khuôn khổ của những phản kháng chính trị bề nổi để chạm đến bản chất của quá trình giải thuộc địa hóa nhân tính. Bằng cách lật đổ cả hai hệ hình áp bức, ông không chỉ đòi lại quyền lợi an sinh xã hội mà quan trọng hơn là hoàn trả vị thế cho người phụ nữ, giải phóng họ từ tư thế một khách thể bị trị kếp để trở thành một chủ thể có khả năng tư duy độc lập, tự phán quyết và tự quyết định vận mệnh của chính mình trong dòng chảy lịch sử.

3.2. Quá trình chuyển hóa từ chủ thể subaltern thành chủ thể có phẩm giá

Khi khảo sát các bài viết của Phan Khôi trên tờ *Phụ Nữ Tân văn* (giai đoạn 1929 - 1935), một điểm sáng dễ nhận thấy là ông nhìn nhận ngôn ngữ không phải với tư cách là một công cụ trung tính dùng để truyền đạt thông tin, mà là nơi lưu trữ và vận hành các cấu trúc quyền lực của hệ tư tưởng phụ quyền. Ở đây quan điểm của Phan Khôi rất gần với định nghĩa về diễn ngôn của Foucault, đặc biệt ở phương diện quyền lực và tri thức của phá hệ nam quyền. Đối với diễn ngôn thời kỳ này ở Việt Nam, các khái niệm đạo đức truyền thống qua thời gian dài tồn tại đã tạo ra một hệ thống định kiến định hình tâm thức xã hội, hợp thức hóa vị thế yếm thế của giới nữ như một trật tự tự nhiên.

Khởi đầu cho loạt bài về vị thế người phụ nữ là tiểu luận “Chữ trinh: cái tiết với cái nét” đăng trên *Phụ Nữ Tân văn* số 21, ngày 19/09/1929. Tại đây, Phan Khôi đặt lại định nghĩa về chữ “trinh”: “*Chữ trinh, như là một cái tín điều của một tôn giáo riêng cho đàn bà. Làm sao không buộc đàn ông phải trinh mà chỉ nội đàn bà thôi?*” [1, tr.53]. Ông chỉ ra rằng chuẩn mực trinh tiết không phải là một giá trị đạo đức tự nhiên mang tính phổ quát mà là một công cụ ý thức hệ áp đặt một chiều lên người phụ nữ nhằm ràng buộc chặt chẽ danh dự, nhân phẩm và thậm chí là quyền định đoạt thể xác của họ vào hệ thống gia tộc nam quyền. Trong khi đó, nam giới lại hoàn toàn được thụ hưởng đặc quyền đứng ngoài, không chịu bất kỳ sự phán xét nào từ các quy chuẩn đạo đức tương tự. Ông lập luận rằng chuẩn mực này thực chất là một sự kiến tạo xã hội mang tính vụ lợi của nam giới nhằm thiết lập quyền độc quyền sở hữu đối với người phụ nữ; bởi lẽ “*trong chữ trinh, chẳng có gì thiên kinh địa nghĩa nào, và cũng chẳng có gì là huyền bí hết*” [1, tr.53]. Ở Việt Nam đầu thập niên 1930, tư tưởng của Phan Khôi tạo ra một thế đối thoại trực diện với xu hướng duy tân bảo thủ mà Trần Trọng Kim là đại diện tiêu biểu. Trong *Nho giáo* (1930), Trần Trọng Kim hướng tới việc điều chỉnh xã hội giao thời bằng cách thanh lọc luân lý, nhưng giải pháp của ông là duy trì khuôn mẫu ý thức hệ cũ. Trần Trọng Kim chủ trương loại bỏ các hủ tục cực đoan nhưng lại đưa người phụ nữ trở về vị trí “nội tướng” trong gia đình, thực hành hệ thống “tứ đức” đã được sửa đổi nhằm làm tròn bổn phận giới và bảo lưu cấu trúc gia tộc truyền thống. Để thể hiện tinh thần phản biện của mình, Phan Khôi phân định rất rạch ròi giữa “Tiết trinh” và “Nét trinh”. Ông cực kỳ bài xích khái niệm “tiết trinh” - thứ đạo đức đòi hỏi người phụ nữ góa chồng phải thủ tiết hoặc tự sát để giữ lòng trung, và nó thực chất là sản phẩm được kiến tạo từ “*lòng tham lam và thói ích kỷ của bọn đàn ông bày ra, rất là không công bình*” [1, tr.55].

Trong khi Trần Trọng Kim nhìn nhận sự hy sinh của các “liệt nữ” như những biểu tượng đạo đức có chức năng ổn định gia đình, giữ gìn phong hóa, thì Phan Khôi trong bài “*Luận về phụ nữ tự sát*” lại khẳng định việc chuộng cái “tiết” cực đoan chẳng những giam đàn bà vào cái cảnh điêu đứng cay đắng và thấp hèn, mà lại còn sanh ra cái tệ khinh rẻ mạng người; bởi nói về phụ nữ tự sát, Phan Khôi nhận định chỉ có “*hai cái nguyên nhân: là sự ép uổng trong cuộc hôn nhân và vì cái tình trạng thống khổ chốn gia đình*” [1, tr.63]. Và tuyệt nhiên, người ta “*khinh rẻ cái tư tử của hạng bình dân và phụ nữ, vì cho là hạng không học*” [1, tr.62].

Việc đối thoại với mô hình duy tân của Trần Trọng Kim dẫn Phan Khôi đến quá trình phân chia vai trò, vị thế và phẩm cách của người phụ nữ. Ông bàn luận trong bài viết “*Tư cách phụ nữ xưa nay khác nhau: Làm vợ làm mẹ với làm người*” rằng người phụ nữ tồn tại ở hai trạng thái: tồn tại chức năng (làm vợ, làm mẹ) và tồn tại bản thể (làm người); thế nhưng “*từ xưa đến nay, người ta cho con trai đi học, trừ cái học để làm quan ra không kể, còn thì ai cũng kỳ vọng cho học để làm người. Nhưng đến lúc dạy con gái – phải nhớ rằng con gái được dạy là sự ít có lắm – thì lại chỉ mong cho học để làm vợ và làm mẹ*” [1, tr.196]. Điểm này của Nho học được Trần Trọng Kim tương đối tán thành, khi ông tin rằng giá trị của một người phụ nữ được đo đếm bằng mức độ cống hiến và sự hòa hợp của họ vào các bổn phận giới được quy định sẵn; điều này đồng nghĩa với việc đóng khung giới nữ trong trạng thái tồn tại chức năng để bảo toàn sự ổn định của cấu trúc xã hội truyền thống. Ngược lại, Phan Khôi phê phán rằng khi xã hội ca tụng một người phụ nữ bằng các danh xưng như “tiết phụ” hay “hiền thê”, thực chất họ chỉ đang đánh giá cái giá trị sử dụng và sự phục tùng của một khách thể theo đúng quy chuẩn “tam tòng” chứ không thừa nhận một không gian tự trị riêng cho họ. Để kiến tạo tư thế chủ thể, Phan Khôi đòi hỏi xã hội trước hết phải thừa nhận người phụ nữ có “tư cách làm

người” độc lập, có quyền tự quyết đối với số phận và có tư cách pháp lý ngang hàng với nam giới ngoài không gian công cộng. Do đó, trong bài viết với luận đề “*Cái bổn phận của phụ nữ nước ta đối với cái tư cách của họ*”, Phan Khôi khẳng định phụ nữ phải tự nhìn nhận mình là một bản thể độc lập trước khi chấp nhận các vai trò giới do xã hội quy định. Ông nâng phạm trù “tư cách” (bao gồm tư cách pháp lý, đạo đức và tri thức) lên thành điều kiện tiên quyết của nhân phẩm. Trong khi Trần Trọng Kim hướng dẫn người phụ nữ cách hoàn thiện các vai trò “*làm vợ, làm mẹ*” trong cấu trúc phụ quyền đã được sửa đổi thì Phan Khôi yêu cầu giới nữ phải tự ý thức và chiếm lĩnh được tư cách người trước khi đòi hỏi các quyền lợi hành chính riêng lẻ. Một khi xác lập được tư cách này bằng học vấn và ý thức tự tôn, họ sẽ tự phá vỡ các định kiến xã hội mà không cần đến sự thỏa hiệp. Ngay cả khi mở rộng phạm vi sang các vấn đề vĩ mô như trong loạt bài “*Đàn bà cũng nên làm quốc sự*” hay “*Đàn bà với quốc sự*”, Phan Khôi vẫn nhìn nhận việc phụ nữ tham gia vào không gian chính trị là trách nhiệm tất yếu của một công dân có tư cách hoàn chỉnh, chứ không phải là sự mở rộng thiên chức “*nội trợ*” từ nhà ra nước theo góc nhìn đạo đức của Trần Trọng Kim. Điểm khác biệt giữa Phan Khôi và các phong trào cải cách giới cùng thời nằm ở điểm ông nhận ra rằng, nếu chỉ đòi hỏi những quyền lợi hành chính hoặc dân sự riêng lẻ (như quyền đi học, quyền thừa kế, hay quyền lựa chọn bạn đời) mà không thay đổi căn bản nhận thức về vị thế làm người, thì người phụ nữ vẫn chỉ tồn tại ở tư thế của một đối tượng thụ động, chờ đợi sự ban ơn từ hệ thống nam quyền. Quyền lợi của giới nữ không thể được xây dựng vững chắc trên một nền tảng tư duy nô dịch.

Phan Khôi không dừng lại ở việc đòi hỏi những quyền lợi trừu tượng mà nỗ lực chuyển hóa các ý niệm về tư cách làm người thành những mô hình hành động thực tế, dựa trên các chuyển biến kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn đô thị hóa thuộc địa. Ở tiêu luận “*Phụ nữ*

với sinh kế” đăng trên *Phụ Nữ Tân văn* số 38 ngày 22/01/1930, Phan Khôi đề cập trực diện đến cấu trúc vật chất của gia đình giao thời. Phan Khôi nhìn nhận sự phụ thuộc về mặt tinh thần và tư thế yếm thế của phụ nữ bắt nguồn từ một nguyên nhân kinh tế khách quan, rằng họ bị loại trừ khỏi các hoạt động tạo ra của cải và bị giam hãm trong “không gian gia đình” của mô hình phụ quyền. Để phá vỡ thế độc quyền này, ông đưa ra các chỉ dẫn thực tế, cổ xúy và định hướng cho phụ nữ tham gia vào các ngành nghề mới của nền kinh tế hiện đại như thương mại, dạy học, viết báo và công sở. Ông khẳng định việc tự chủ về tài chính là chìa khóa để chủ thể nữ giới giải phóng mình khỏi tư thế của một đối tượng được chu cấp, bước vào vị thế của bên thương lượng bình đẳng trong cả gia đình lẫn xã hội. Đối lập với góc nhìn này, tư tưởng của Trần Trọng Kim về vai trò kinh tế của phụ nữ lại vận hành theo một logic hoàn toàn khác, bám rễ sâu vào kinh tế phong kiến truyền thống. Trong các bài khảo luận về tổ chức xã hội, Trần Trọng Kim không phủ nhận vai trò của phụ nữ trong việc quản lý kinh tế, nhưng ông định vị họ trong tư cách người quản lý tài sản chung của gia đình, lo liệu nội trợ, quán xuyến chi tiêu để chồng yên tâm đóng góp cho xã hội thay vì chịu trách nhiệm tạo dựng kinh tế. Trần Trọng Kim xem kinh tế gia đình ở Việt Nam là một đơn vị khép kín, nơi người phụ nữ thực hiện chức năng bảo toàn hơn là tự chủ sinh kế độc lập ngoài xã hội. Trong khi đó, Phan Khôi thẳng thắn phê phán tư duy xem việc nội trợ hay quán xuyến gia đình là định mệnh kinh tế duy nhất của nữ giới. Ông chỉ ra rằng việc giam hãm người phụ nữ trong không gian kinh tế gia đình của mô hình bảo thủ thực chất là phương thức tước đoạt năng lực cạnh tranh xã hội của họ, khiến họ mãi mãi là những yếu tố phụ thuộc vào tài sản và thu nhập của nam giới.

Song song với sinh kế, Phan Khôi tái định nghĩa lại mục đích và chức năng của giáo dục, tạo ra một cuộc đối thoại sôi nổi với cả mô hình giáo dục gia giáo phong kiến lẫn hệ thống giáo

dục thuộc địa thực dân. Nền học vấn mà Phan Khôi đòi hỏi trên mặt báo phải là nền giáo dục kích hoạt lý tính, năng lực hoài nghi và phản tư phê phán. Trong bài viết “Cái học của phụ nữ nước ta”, ông phê phán lối giáo dục thực chất chỉ đào tạo ra những công cụ thừa hành biết vâng lời hoặc những cá nhân có kỹ thuật nhưng thiếu tư duy độc lập. Phan Khôi cho rằng khi đọc đến sách Nữ huân, người ta thấy cái học của người đàn bà nước ta ngày xưa chẳng qua là học cách làm tôi đòi cho kẻ khác. Những câu như “xuất giá tòng phu” hay “phu tử tòng tử” thực chất là một cách tước đoạt triệt để cái quyền làm một con người mang lý tính độc lập. Phan Khôi đã vạch trần bản chất của nền cựu học không phải là giáo dục khai phóng, mà là một công cụ nhằm thuần hóa người phụ nữ vào guồng quay phụ quyền. Ông khẳng định trên mặt báo rằng người đàn bà đi học không phải để biết gõ đầu trẻ, không phải để thuộc lòng vài ba câu kinh nghĩa để làm vị, mà là để biết thế nào là quyền lợi công dân, thế nào là bổn phận làm người đối với xã hội thuộc địa này. Ngược lại với Phan Khôi, Trần Trọng Kim với lý thuyết Nho giáo cải cách cũng coi trọng giáo dục phụ nữ, nhưng mục tiêu cốt lõi lại là giáo dục để hoàn thiện “tính nết” và “bổn phận”, giữ gìn “quốc túy” và “văn phong”. Đối với quan điểm của Trần Trọng Kim, người phụ nữ đi học là để làm một người vợ có học thức để xứng đáng với gia đình nhà chồng, là một người mẹ có tri thức để giáo dưỡng con cái, tức là học vấn phục vụ cho việc gia cố các chức năng giới trong cấu trúc gia đình hủ nho đã được tinh lọc. Ngược lại, Phan Khôi không quy giản học vấn về chức năng công cụ đó. Ông lập luận rằng nếu phụ nữ học tập chỉ để phục vụ cho các vai trò làm vợ, làm mẹ, thì nền giáo dục đó vẫn là một biến thể của sự nô dịch tư tưởng. Học vấn, theo Phan Khôi, trước hết phải phục vụ cho mục tiêu khai phóng bản thể công dân, giúp người phụ nữ nhận thức được quyền tự trị lý tính của mình trước khi thực hiện bất kỳ bổn phận xã hội nào khác.

3.3. “Người đàn bà mới” và những giới hạn của giải thuộc địa trong *Trở về lửa ra*

Cuốn tiểu thuyết đầu tay và duy nhất của Phan Khôi là *Trở về lửa ra* ra mắt năm 1939, nếu đánh giá một cách khách quan thì không phải là một tác phẩm có sự đột phá về mặt thi pháp. Mặc dù vậy, tác phẩm này vẫn giữ một vị trí quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống tư tưởng của Phan Khôi, bởi nó không tách rời mà nối tiếp những diễn ngôn giới mà ông từng phát biểu trên tờ *Phụ nữ Tân văn*.

Sự cách tân của Phan Khôi trong việc xây dựng hình tượng nhân vật Nghi trước hết nằm ở tâm thế đối thoại và phản biện trực diện với xu hướng lãng mạn hóa phụ nữ của các cây bút Tự lực Văn đoàn. Ở các tác phẩm như *Đoạn tuyệt* hay *Lạnh lùng* của Nhất Linh, sự giải phóng của người phụ nữ thường bị khu trú trong những phản kháng mang tính cảm xúc hoặc những bi kịch tình yêu cá nhân. Nhân vật Loan trong *Đoạn tuyệt* dù dám chống lại mẹ chồng và tư tưởng đại gia đình phong kiến, nhưng động lực hành động của Loan chủ yếu xuất phát từ nỗi đau khổ trong tình cảm cá nhân với Dũng và khát vọng hạnh phúc lứa đôi kiểu thị dân. Sự tự do của Loan cuối cùng vẫn được đặt trong sự bảo bọc, hướng dẫn của những người đàn ông tiến bộ xung quanh. Ngược lại, Phan Khôi xây dựng nhân vật Nghi độc lập hoàn toàn khỏi những hệ lụy tình cảm ấy. Khát vọng lớn nhất của Nghi từ lúc nhỏ không phải là tìm kiếm một tình yêu lý tưởng, mà là chiếm lĩnh học vấn. Khi đối thoại với gia đình về việc đi học, ngôn ngữ của Nghi không mang tính chất hờn dỗi, than thân trách phận mà là ngôn ngữ duy lý của một trí thức tự ý thức. Hành động Nghi quyết liệt đòi đi học trường quy, thi vào trường sư phạm không phải để có một cuộc hôn nhân môn đăng hộ đối, mà để tự chủ về mặt tư duy.

Mặt khác, nhân vật Nghi cũng tách biệt hoàn toàn khỏi kiểu nhân vật nạn nhân thụ động, chịu đựng các định chế phong kiến mang tính định

mệnh thường thấy trong văn học hiện thực phê phán giai đoạn đầu. Trong các truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan hay các tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, người phụ nữ thường hiện lên như những cá nhân tội nghiệp, bị dồn đẩy vào đường cùng bởi áp lực đồng tiền và cường quyền, mà phản ứng phổ biến nhất của họ là sự bất lực hoặc chịu đựng sự tha hóa. Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Răng con chó của nhà tư sản* của Nguyễn Công Hoan, nhân vật người đàn bà khốn khổ khi đối diện với sự tàn nhẫn của giai cấp tư sản thuộc địa chỉ biết biểu thị sự sợ hãi bằng hành động “quỳ lạy”, “khóc lóc” van xin cứu mạng cho đứa con, hoàn toàn thiếu vắng năng lực phản kháng. Ngay cả ở những truyện ngắn như *Người vợ mù* hay *Oản tuyền*, phản ứng của người phụ nữ trước sự bất công của người chồng phong kiến hoặc các thế lực gia tộc hủ lậu vẫn chỉ dừng lại ở tiếng khóc âm thầm, sự nhẫn nhục chịu đựng từ ngày này sang ngày khác như một định mệnh không thể cứu vãn. Tương tự, trong thế giới nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng, số phận người phụ nữ thường bị cấu trúc như một tiến trình tha hóa không thể cưỡng lại dưới áp lực của xã hội đô thị thuộc địa. Tiêu biểu như Thị Mịch trong *Giông tố*, từ một cô gái quê ngây thơ, sau khi bị cưỡng bức bởi Nghị Hách, số phận của Mịch chỉ là sự trượt dài từ một nạn nhân đau khổ đến một người đàn bà chấp nhận buông xuôi, bị tha hóa hoàn toàn về nhân cách khi bước vào thế giới ăn chơi, thụ hưởng vật chất. Và trong con mắt của nhân vật Long thì Mịch đã đi từ một cô thôn nữ ngây thơ, hiền lành, chất phác, đến một thiếu phụ gian dâm, lãng mạn, xảo quyệt, đáng sợ. Bi kịch của Thị Mịch, hay của hình tượng nhân vật nữ trong văn học hiện thực đương thời, là bi kịch của những khách thể bị động, khi họ bị xã hội định đoạt, bị hoàn cảnh nhào nặn.

Trong khi đó, Phan Khôi từ chối cái nhìn thương hại bằng cách đặt Nghi vào tư thế của một chủ thể tự ý thức, có khả năng đối thoại song phẳng với các thế lực áp bức. Khi người cha và người cô dùng luân lý Nho giáo về chữ “Hiếu”

và bốn phận “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” để ép buộc, Nghi không chọn giải pháp khóc lóc chịu đựng, cũng không chọn cái chết để “trốn chạy định mệnh”. Cô thẳng thắn đưa ra các lập luận để bảo vệ quyền tự quyết đối với thân thể và tương lai của mình, phân định rõ ranh giới giữa lòng hiếu thảo và sự nô dịch ý chí. Hành động Nghi tự mình rời bỏ không gian gia đình, dần thân vào đời sống đô thị Sài Gòn để làm việc, tự xoay xở kiếm sống là một minh chứng cho thấy cô đã bước đầu nhận thức được sự tự quyết của bản thân. Nghi chấp nhận đối mặt với sự nghèo khó vật chất và những lời phán xét khắc nghiệt của dư luận xã hội, nhưng đổi lại, cô giữ được quyền tự chủ về hành vi và tư duy. Có thể thấy Phan Khôi không biến người phụ nữ thành một biểu tượng để khơi gợi lòng trắc ẩn, mà kiến tạo họ thành một hình mẫu trí thức dần thân, dùng hành động để tự cứu mình và kiên quyết khước từ tư cách nạn nhân trong một xã hội giao thời đầy rạn nứt. Như vậy, sự giải phóng phụ nữ trong *Trở về lứa ra* không còn là một ý niệm được ban ơn bởi một thế lực nào khác, mà là một cuộc đấu tranh tự thân của nhân vật nhằm chiếm lĩnh tri thức và tự chủ sinh kế.

Mặc dù kiên định với quan điểm “giải phóng” phụ nữ bằng con đường phản kháng với các quan niệm thủ cựu và tâm thức thuộc địa, nhưng Phan Khôi vẫn nhận thức được những giới hạn mang tính lịch sử của xã hội Việt Nam buổi giao thời. Điều này được biểu hiện ở việc ông không xây dựng một hình mẫu nhân vật chiến thắng lý tưởng mang tính chất cổ động hay kiến tạo một biểu tượng lãng mạn về sự giải thoát, mà ngược lại, nằm ở việc Phan Khôi dám nhìn thẳng vào sự dờ dằng, bế tắc của nhân vật ở chặng cuối hành trình. Trong *Trở về lứa ra*, khát vọng của Nghi rốt cuộc phải đối mặt với những rào cản từ định kiến xã hội giao thời quá kiên cố, và quan trọng hơn, bản thân nền kinh tế - chính trị thuộc địa bấy giờ không cung cấp đủ không gian thiết chế để một chủ thể nữ giới tự chủ thực sự sinh

tồn. Dù có năng lực tư duy xuất sắc, hành trình đi học trường quy và thi vào trường sư phạm của Nghi không được nhìn nhận như một nỗ lực chiếm lĩnh tri thức, mà bị dư luận xã hội ở quê nhà lẫn đô thị thuộc địa xem như một sự “nổi loạn” nguy hiểm, đe dọa trật tự gia tộc. Khi cô khước từ cuộc hôn nhân do người cha và người cô sắp đặt, định chế phụ quyền lập tức vận hành cơ chế trừng phạt bằng sự cô lập: cô bị gia đình từ bỏ, bị bôi nhọ về tư cách đạo đức dưới lăng kính của luân lý cũ. Sự khắc nghiệt này cho thấy, xã hội giao thời có thể chấp nhận những biểu hiện đổi mới bề ngoài của phụ nữ để làm đẹp cho bộ mặt đô thị, nhưng sẽ lập tức phản kháng quyết liệt nếu người phụ nữ đó chạm đến những vấn đề như quyền tự quyết định số phận và thân thể của mình.

Quan trọng hơn, sự thiếu vắng thiết chế hỗ trợ từ nền kinh tế - chính trị thuộc địa chính là nguyên nhân trực tiếp đẩy Nghi vào sự bế tắc của sinh kế. Khi quyết định rời bỏ gia đình, dần thân vào không gian công cộng Sài Gòn để tự lực kinh tế, Nghi phải đối mặt với một thị trường lao động thuộc địa cực kỳ hạn hẹp và mang tính phân biệt giới sâu sắc. Nền kinh tế bấy giờ không có các vị trí công việc hay cấu trúc xã hội an toàn để bảo vệ một người phụ nữ đơn độc muốn sống bằng tri thức. Các công sở, tòa báo hay trường học thuộc địa thực chất vẫn do nam giới độc quyền quản lý và định đoạt. Sự dần thân của Nghi nhanh chóng va phải thực tế phũ phàng như mức lương ít ỏi của một người phụ nữ làm việc tự do không đủ để trang trải các chi phí sinh hoạt đắt đỏ tại đô thị, trong khi cô luôn phải đối diện với những cạm bẫy “vật hóa” và sự quấy rối từ những gã đàn ông trưởng giả xem phụ nữ như một thứ hàng hóa tiêu khiển. Phan Khôi đã mô tả rất thực tế cảnh Nghi phải chật vật xoay xở giữa các chỗ ở tạm bợ, sự thiếu thốn về vật chất và áp lực tinh thần đè nặng khi không có bất kỳ một thiết chế luật pháp hay một công đoàn phụ nữ thực chất nào đứng ra bảo vệ quyền lao động và quyền nhân thân cho cô.

Chính sự kết hợp giữa hệ tư tưởng phụ quyền cũ và cơ chế bóc lột của xã hội thuộc địa mới đã tạo thành một “gong kim” bóp nghẹt không gian sinh tồn của người phụ nữ. Bi kịch của Nghi ở chặng cuối tác phẩm không xuất phát từ sự yếu đuối cá nhân mà xuất phát từ việc cô đã đi quá xa so với giới hạn thời đại. Cái kết dang dở này không phải là một thất bại nghệ thuật, mà ngược lại, chính là một phát hiện đầy tinh táo Phan Khôi về giới hạn của vấn đề giải thuộc địa hóa tâm thức đầu thế kỷ XX. Từ thực tế trải nghiệm của một nhà báo từng chứng kiến sự thăng trầm, đỉnh bản của nhiều tờ báo tiến bộ và sự phá sản của các phong trào dân quyền, Phan Khôi ý thức sâu sắc rằng việc thức tỉnh nhận thức cá nhân hay sự phản kháng đơn độc của một vài cá thể tiên phong là chưa đủ để lật đổ một cấu trúc áp bức kép đã ăn sâu bám rễ vào thiết chế xã hội. Xét về mặt hạ tầng, mô hình kinh tế thuộc địa những năm 1930 chỉ chấp nhận người phụ nữ với tư cách là những đối tượng tiêu dùng của thị trường bách hóa hoặc lực lượng lao động giá rẻ ở đô thị, chứ không sẵn sàng dung nạp họ như những trí thức có phẩm giá độc lập, có khả năng cạnh tranh sòng phẳng với nam giới. Xét về mặt thượng tầng, tư tưởng phụ quyền Nho giáo không biến mất mà chỉ chuyển hóa hình thái, ẩn nấp sau các phán xét đạo đức của dư luận xã hội để trừng phạt bất kỳ người phụ nữ nào dám bước ra khỏi quỹ đạo bốn phận. Khi Nghi quyết liệt khước từ cấu trúc gia đình phụ quyền nhưng lại không thể tìm thấy một định chế xã hội hiện đại nào đủ vững chắc để nương tựa và bảo vệ tư cách công dân của mình, sự bế tắc và cô độc của cô trở thành một tất yếu khách quan của lịch sử.

Bằng cách từ chối một kết thúc có hậu mang tính áp đặt, khiến cường hay lãng mạn hóa theo kiểu đề nhân vật tìm thấy một bến đỗ hạnh phúc lý tưởng xa xôi, một motif vốn rất quen thuộc để làm hài lòng thị hiếu thị dân đương thời, *Trở về lửa ra* của Phan Khôi đã phơi bày trọn vẹn tính chất phức tạp, đơn độc và đầy tổn thương của người phụ nữ trên hành trình đi tìm nhân tính.

Nếu trên mặt báo, Phan Khôi có thể dùng ngòi bút nghị luận sắc bén để phác thảo ra một viễn cảnh lý tưởng về người phụ nữ có quyền tự chủ, thì khi bước vào thế giới của tiểu thuyết, chính ông phải thừa nhận rằng hành trình giải thuộc địa hóa tâm thức và giành lại tư cách chủ thể cho nữ giới là một cuộc trường chinh đầy gian nan.

4. Kết luận

Có thể nói, so với các nhà tư tưởng đương thời, Phan Khôi là một trong những cái tên có hướng đi táo bạo, đúng tính chất của một trí thức tiên phong. Với phương diện là một nhà báo chính luận xuất sắc, đặc biệt trong giai đoạn từ 1930 đến 1945 khi cộng tác với tờ *Phụ Nữ Tân văn*; ông đã để lại nhiều bài viết bàn luận sâu đến cách thức giải phóng người phụ nữ Việt Nam khỏi “cạm bẫy” của tư tưởng Nho giáo thủ cựu và văn minh Tây học. Qua một số bài báo cũng như tiểu thuyết *Trở về lửa ra*, chúng ta nhận thấy tư tưởng của Phan Khôi là sự hài hoà giữa tiếp biến các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp nhận làn sóng văn hoá phương Tây. Ở đây, chúng tôi nhận thấy có ba điểm cần ghi nhận ở hiện tượng Phan Khôi.

Đầu tiên, Phan Khôi đã xác lập được một tư tưởng giải thuộc địa nhân tính nhất quán và độc lập, đi từ phê phán thể chế đến kiến tạo chủ thể. Với ngòi bút sắc bén trên các diễn đàn báo chí, tiêu biểu là tờ *Phụ Nữ Tân văn*, ông đã phơi bày bản chất của đời sống tư tưởng Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX khi mà hệ ý thức phụ quyền Nho giáo cốt tủy và chính sách đồng hóa văn hóa của thực dân Pháp trở thành “áp lực kép” với người phụ nữ. Và để đối thoại với các thiết chế lỗi thời đó, Phan Khôi không dừng lại ở những đòi hỏi dân quyền hình thức chóng vánh, mà hướng thẳng đến việc phục hồi “nhân tính”, nghĩa là đòi lại tư cách làm người của phụ nữ. Hai hạt nhân quan trọng trong diễn ngôn giải thuộc địa của Phan Khôi chính là đấu tranh đả phá phá hệ nam quyền lẫn tính tiêu dùng của thuộc địa bằng sự độc lập về năng lực kinh tế và

sự giải phóng về tư duy học vấn mang tinh thần khai phóng.

Tiếp đó, Phan Khôi đã tạo dựng được một môi liên hệ biện chứng chặt chẽ giữa diễn ngôn báo chí và diễn ngôn văn chương. Mặc dù tiểu thuyết duy nhất *Trở vó lừa ra* (1939) không phải là một bước đột phá lớn về mặt thi pháp nhưng lại giữ vai trò như một thực hành tư tưởng của Phan Khôi. Qua hành trình của nhân vật Nghi - một hình mẫu “Người đàn bà mới” mang trong mình tinh thần quyết liệt khước từ tư cách nạn nhân để tự chủ sinh kế và học vấn, Phan Khôi đã phản biện trực diện với xu hướng lãng mạn hóa phụ nữ của Tự lực văn đoàn lẫn kiểu nhân vật nạn nhân chịu đựng của những sáng tác hiện thực phê phán đương thời. Có thể nói, Nghi là đại diện tiêu biểu cho tinh thần khai phóng phụ nữ của chính Phan Khôi.

Thứ ba, mặc dù ủng hộ nữ giới đòi lại phẩm giá và tự do, nhưng chính Phan Khôi cũng ý thức được giới hạn lịch sử tất yếu của tư tưởng giải thuộc địa hóa đầu thế kỷ XX, thông qua sự bẽ tắc và cái kết của Nghi trên hành trình hiện sinh của mình. Phan Khôi đến cuối cùng cũng thừa nhận rằng sự thức tỉnh ý thức hay phản kháng đơn độc của một vài cá nhân tiên phong là chưa đủ để lật đổ một cấu trúc áp bức kếp đã ăn sâu vào thiết chế xã hội. Bởi lẽ, khi nền kinh tế - chính trị thuộc địa không cung cấp đủ không gian thiết chế hỗ trợ và dư luận phụ quyền cũ vẫn kiên cố thì khát vọng làm chủ cuộc sống của người phụ nữ bắt buộc phải gánh chịu những tổn thương và bẽ tắc.

Như vậy, di sản tư tưởng về vấn đề nữ quyền và giải thuộc địa hoá nhân tính của Phan Khôi không nằm ở việc đưa ra một công thức giải phóng hoàn hảo hay một kết cục có hậu mang tính lý tưởng hóa, mà nằm ở tinh thần phê phán đi trước thời đại. Việc nâng tầm công cuộc đấu tranh giới thành cuộc đấu tranh giành lại tư cách chủ thể độc lập cho phụ nữ đã biến Phan Khôi

thành một tư tưởng gia tiên phong, đóng góp một trường hợp nghiên cứu sâu sắc vào bức tranh chung của các trào lưu giải thuộc địa và nữ quyền luận trong bối cảnh văn hóa Việt Nam giai đoạn giao thời.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ân, L.N. (giới thiệu và tuyển chọn). (2018). *Phan Khôi: Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.
- [2] Ân, L.N. (sưu tầm, biên soạn và tuyển chọn). (2018). *Phan Khôi: Ảnh hưởng Khổng giáo ở nước ta*. TP. HCM: NXB Văn hoá – Văn nghệ.
- [3] Chi, P.P. et al. (2025). *Decolonizing comparative literature – Reading Across Southeast Asian Literatures*. London: Springer Nature.
- [4] Chi, P.P. (2025). *Văn học so sánh và phê bình hậu thuộc địa – mô hình cận kề (lý thuyết và thể nghiệm)*. Hà Nội: NXB Văn học.
- [5] Chi, P.P. (2025). *Văn học và các vấn đề quốc gia – dân tộc (lý thuyết và thể nghiệm), tập 1*. Hà Nội: NXB Văn học.
- [6] Chi, P.P. (2025). *Văn học và các vấn đề quốc gia – dân tộc (lý thuyết và thể nghiệm), tập 2*. Hà Nội: NXB Văn học.
- [7] Dương, Đ.A. (giới thiệu). (2021). *Tự lực Văn đoàn với vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.
- [8] Hiếu, T.N. (2018). *Lý thuyết hậu thực dân và những khả năng đọc lại văn học Việt Nam hiện đại*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Hưng, T.Q. (2026). *Giải đế quốc – lấy Châu Á làm phương pháp*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- [10] Minh, N.T. (2022). “Diễn ngôn giới và vấn đề hiện đại hóa trong báo chí Nam Bộ đầu thế kỷ XX: Trường hợp Phụ nữ Tân văn”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học (số 5)*, tr.42-53.
- [11] Said, E.W. (2014). *Đông Phương luận* (Luu Đoàn Huynh, Phạm Xuân Ri, Trần Văn Tuy dịch; Trần Tiễn Cao Đăng hiệu đính). Hà Nội: NXB Tri thức.
- [12] Said, E.W. (2016). *Văn hoá và chủ nghĩa bá quyền* (Phạm Anh Tuấn, An Khánh dịch). Hà Nội: NXB Tri thức.
- [13] Spivak, G.C. (1988). *Can the Subaltern Speak?* (In Nelson, C. & Grossberg, L. (Eds.), *Marxism and the Interpretation of Culture*). Macmillan Education.
- [14] Thiong'o, N.W. (1986). *Decolonising the Mind: The Politics of Language in African Literature*. London: James Currey.
- [15] Thiong'o, N.W. (2025). *Decolonizing Language and Other Revolutionary Ideas*. New York: New Press.